

Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số: 292 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Thị trấn Đăk Tô	Xã Diên Bình	Xã Đăk Rơ Nga	Xã Đăk Trăm	Xã Kon Đào	Xã Ngọk Tụ	Xã Pô Kô	Xã Tân Cảnh	Xã Văn Lem	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng		212,81	33,07	13,17	48,17	27,55	11,93	3,67	49,37	22,18	3,70	
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	209,51	29,77	13,17	48,17	27,55	11,93	3,67	49,37	22,18	3,70	
	Trong đó:												
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	4,59	0,35	0,20	2,00	2,00	0,04					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>4,59</i>	<i>0,35</i>	<i>0,20</i>	<i>2,00</i>	<i>2,00</i>	<i>0,04</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	89,85	5,51	1,14	41,60	18,55	4,14	1,57	11,30	3,54	2,50	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	78,48	23,51	11,63	4,57	7,00	7,70	2,10	2,22	18,55	1,20	
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	36,30	0,40				0,05		35,85			
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>											
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,29		0,20						0,09		
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,30	3,30									

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.